

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÌNH CHÁNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 418/2025/DS-ST

Ngày: 23/5/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vân Hương**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Dòn**;

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thuý** – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 926/2024/TLST-DS ngày 04/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2025/QĐXXST-DS ngày 26/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2025/QĐST-DS ngày 24/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh V**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 3 Tổ C, Ấp C, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm: 1998; Địa chỉ: C, Ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan

Bà **Trần Thị T**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 3 tổ C ấp C xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/7/2024; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Vào ngày 04/01/2023 ông Nguyễn Tuấn A có vay của ông số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 04/01/2023 cho đến khi ông Tuấn A ngừng trả lãi thì ông V được quyền yêu cầu thanh toán tiền lãi và nợ gốc. Tuy nhiên, từ ngày ký kết hợp đồng vay thì Ông Tuấn A không trả lãi cho ông. Ông có đến nhà nhắc nhở thì Ông Tuấn A hẹn lại rồi không thực hiện và ông cũng đi đến nhà yêu

cầu Ông Tuấn A1 trả lại nợ cho ông, ông không yêu cầu trả lãi. Ông Nguyễn Thanh V đã có thông báo thu hồi nợ gửi cho ông Nguyễn Tuấn A nhưng ông Tuấn A2 vẫn không có thiện chí trả nợ.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Tuấn A trả lại số tiền nợ 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) ông không yêu cầu trả lãi, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn Ông Nguyễn Tuấn A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị T trình bày:

Bà T là vợ của ông Nguyễn Thanh V, số tiền là ông Nguyễn Thanh V cho ông Nguyễn Tuấn A vay là số tiền cá nhân của ông V, không liên quan gì đến bà T. Do đó bà T không có tranh chấp và yêu cầu gì. Bà Trần Thị T yêu cầu giải quyết vắng mặt trong tất cả các phiên hoà giải xét xử

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm. Đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng Điều 21, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92 BLTTDS năm 2015; Áp dụng Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V, Buộc ông Nguyễn Tuấn A trả cho ông V số nợ gốc là 110.000.000 đồng

Về án phí: Đương sự chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Tuấn A và ông Tuấn A có địa chỉ thường trú tại C ấp C xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Đối với nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V, bà Trần Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông V, bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn A, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2023 mà các bên xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tuấn A trả số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), không yêu cầu trả lãi, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Còn bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7] Qua xem xét Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2023 và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

[7.1] Ngày 04/01/2023 giữa ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Tuấn A thỏa thuận việc ông Tuấn A vay 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), không thỏa thuận thời hạn vay, nhưng có thỏa thuận là nếu ông Tuấn A ngừng trả lãi thì ông V được quyền nộp đơn khởi kiện tại toà. Hai bên còn thỏa thuận lãi suất 3%, thời điểm thanh toán tiền lãi là mỗi tháng vào ngày 04 tây dương lịch.

Ông V đã thực hiện việc giao số tiền vay theo thỏa thuận cho Ông Tuấn A theo đúng quy định tại Điều 465 Bộ luật Dân sự.

Ngày 02/7/2024 ông Nguyễn Thanh V có văn bản thông báo về việc thu hồi nợ gửi đến ông Nguyễn Tuấn A về việc thu hồi nợ

Còn ông Tuấn A cho đến nay chưa trả tiền nợ cho ông V theo như thỏa thuận là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Vì vậy việc ông V khởi kiện yêu cầu ông Tuấn A trả nợ gốc 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), không yêu cầu trả lãi là có cơ sở chấp nhận.

[7.2] Về tiền lãi, theo ông V trình bày, từ khi ký hợp đồng vay tiền cho đến nay ông chưa nhận tiền lãi của ông Tuấn A bất kỳ tháng nào. Còn ông Tuấn A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cho nên Tòa án không có cơ sở để xác định là ông

Tuấn A có trả lãi cho ông V hay không. Do ông V không yêu cầu việc tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Bà Trần Thị T là vợ ông Nguyễn Thanh V, xác định số tiền mà ông V cho ông Nguyễn Tuấn A vay là tài sản cá nhân của ông V, không liên quan đến bà T. Ngoài ra bà T không yêu cầu gì khác.

[9] Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000 đồng; nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đòi nợ gốc 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn A .

Buộc ông Nguyễn Tuấn A có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Thanh V số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Ông Nguyễn Tuấn A chậm thực hiện trả tiền như trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính kể từ thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Ông Nguyễn Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0051177 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Vân Hương